TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

TỔNG CHUNG SỐ LƯỢNG THỰC PHẨM CÁC ĐIỂM BẢN

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 182 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 81.900.000 đồng



Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**5.761.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**76.139.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**3.806.950 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	182	1	Bình Ga 12kg	Bình	5	605.000	3.025.000
		2	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	12	12.000	144.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	36	20.000	720.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	12	66.000	792.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	12	90.000	1.080.000
			Tổng cộng				**5.761.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	182	**3.806.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	14,40	155.000	2.232.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	7,00	22.000	154.000	
			3	Rau bắp cải trắng	Kg	10,988	20.000	219.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	182	6.600	1.201.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**3.806.950**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	182	**3.806.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	11,90	155.000	1.844.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	131,00	4.700	615.700	
			3	Rau bắp cải trắng	Kg	12,738	20.000	254.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	182	6.000	1.092.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**3.806.950**	

Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	182	**3.806.950**	1	Giò nạc	Kg	12,80	172.000	2.201.600	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su
			2	Quả su su	Kg	6,50	22.000	143.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	13,058	20.000	261.150	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	182	6.600	1.201.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**3.806.950**	
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	182	**3.806.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	11,90	155.000	1.844.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	131,00	4.700	615.700	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	12,738	20.000	254.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	182	6.000	1.092.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**3.806.950**	
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	182	**3.806.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	14,40	155.000	2.232.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	7,00	22.000	154.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	10,988	20.000	219.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	182	6.600	1.201.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**3.806.950**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

UBND XÃ MƯỜNG CHÀ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN NẬM SIN

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 22 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 9.900.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng

Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**416.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**9.484.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**474.200 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	22	1	Bình Ga 12kg	Bình	0	605.000	0
		2	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4	20.000	80.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**416.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	22	**474.200**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,80	155.000	279.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,400	20.000	28.000	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	22	6.600	145.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**474.200**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	22	**474.200**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,40	155.000	217.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	18,00	4.700	84.600	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,03	20.000	40.600	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	22	6.000	132.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**474.200**	

	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	22	474.200	1	Giò nạc	Kg	1,60	172.000	275.200	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,59	20.000	31.800	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	22	6.600	145.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**474.200**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	22	474.200	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,40	155.000	217.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	18,00	4.700	84.600	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,03	20.000	40.600	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	22	6.000	132.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**474.200**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	22	474.200	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,80	155.000	279.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,400	20.000	28.000	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	22	6.600	145.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**474.200**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN NẬM KHUM

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 23 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 10.350.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng

Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**1.021.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**9.329.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**466.450 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	23	1	Bình Ga 12kg	Bình	1	605.000	605.000
		2	Muối biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4	20.000	80.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**1.021.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	23	**466.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,70	155.000	263.500	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,4575	20.000	29.150	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	23	6.600	151.800	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**466.450**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	23	**466.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,30	155.000	201.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	21,00	4.700	98.700	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,4125	20.000	28.250	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	23	6.000	138.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**466.450**	

	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**23**	**466.450**	1	Giò nạc	Kg	1,50	172.000	258.000	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau băp cải trăng	Kg	1,7325	20.000	34.650	Canh rau băp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	23	6.600	151.800	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**466.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**23**	**466.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,30	155.000	201.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	21,00	4.700	98.700	
			3	Rau băp cải trăng	Kg	1,4125	20.000	28.250	Canh rau băp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	23	6.000	138.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**466.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**23**	**466.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,70	155.000	263.500	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau băp cải trăng	Kg	1,46	20.000	29.150	Canh rau băp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	23	6.600	151.800	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**466.450**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN NẬM VÌ

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 37 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 16.650.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng

Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**1.101.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**15.549.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**777.450 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	37	1	Bình Ga 12kg	Bình	1	605.000	605.000
		2	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	8	20.000	160.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**1.101.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	37	**777.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,00	155.000	465.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,50	22.000	33.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,7625	20.000	35.250	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	37	6.600	244.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**777.450**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	37	**777.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	2,50	155.000	387.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	25,00	4.700	117.500	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,5225	20.000	50.450	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	37	6.000	222.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**777.450**	

	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**37**	**777.450**	1	Giò nạc	Kg	2,70	172.000	464.400	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,3425	20.000	46.850	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	37	6.600	244.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**777.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**37**	**777.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	2,50	155.000	387.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	25,00	4.700	117.500	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,5225	20.000	50.450	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	37	6.000	222.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**777.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**37**	**777.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,00	155.000	465.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,50	22.000	33.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,7625	20.000	35.250	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	37	6.600	244.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**777.450**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN HÚI TO 1

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 19 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 8.550.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng



Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**1.021.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**7.529.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**376.450 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	Số học sinh ăn	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền
	19	1	Bình Ga 12kg	Bình	1	605.000	605.000
		2	Muối biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4	20.000	80.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**1.021.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
	19	376.450	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,30	155.000	201.500	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,3775	20.000	27.550	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	19	6.600	125.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**376.450**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
	19	376.450	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,00	155.000	155.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	16,00	4.700	75.200	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,6125	20.000	32.250	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	19	6.000	114.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**376.450**	

	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**19**	**376.450**	1	Giò nạc	Kg	1,20	172.000	206.400	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,1325	20.000	22.650	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	19	6.600	125.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**376.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**19**	**376.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,00	155.000	155.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	16,00	4.700	75.200	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,61	20.000	32.250	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	19	6.000	114.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**376.450**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**19**	**376.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	1,30	155.000	201.500	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,38	20.000	27.550	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	19	6.600	125.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**376.450**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN HÚI TO 2

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 42 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 18.900.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng

Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**1.101.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**17.799.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**889.950 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	42	1	Bình Ga 12kg	Bình	1	605.000	605.000
		2	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	8	20.000	160.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**1.101.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	42	**889.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,40	155.000	527.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	3,1875	20.000	63.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	42	6.600	277.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**889.950**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	42	**889.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,00	155.000	465.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	26,00	4.700	122.200	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,5375	20.000	50.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	42	6.000	252.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**889.950**	

	Số học sinh ăn	Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa	STT	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thànhtiền	Món ăn chế biến
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**42**	**889.950**	1	Giò nạc	Kg	3,00	172.000	516.000	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,50	22.000	33.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	3,1875	20.000	63.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	42	6.600	277.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**889.950**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**42**	**889.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,00	155.000	465.000	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	26,00	4.700	122.200	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,5375	20.000	50.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	42	6.000	252.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**889.950**	
	Số học sinh ăn	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**42**	**889.950**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,40	155.000	527.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	3,1875	20.000	63.750	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	42	6.600	277.200	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**889.950**	

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng

(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 05-2026. NĂM HỌC 2025-2026. NĐ 339

BẢN HUA SIN

Tháng 05/2026 có số ngày ăn cơm trưa: 20 ngày ăn

Tổng số học sinh ăn cơm trưa: 39 học sinh

Số tiền ăn của 01hs/tháng: 450.000 đồng

Tổng số tiền ăn được hỗ trợ: 17.550.000 đồng

Số tiền ăn 1 bữa/ngày/học sinh: 22.500 đồng

Số tiền mua Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**1.101.000 đồng**
Số tiền chi mua thực phẩm trong tháng:	**16.449.000 đồng**
Số tiền mua thực phẩm nấu trong 1 ngày:	**822.450 đồng**

Gia vị và nhiên liệu dùng trong tháng	**Số học sinh ăn**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**
	39	1	Bình Ga 12kg	Bình	1	605.000	605.000
		2	Muối biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2	12.000	24.000
		3	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	8	20.000	160.000
		4	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	2	66.000	132.000
		5	Bột ngọt meizan 1kg	Gói	2	90.000	180.000
			Tổng cộng				**1.101.000**

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	39	**822.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,20	155.000	496.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,50	22.000	33.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,8025	20.000	36.050	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	39	6.600	257.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**822.450**	

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	39	**822.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	2,70	155.000	418.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	25,00	4.700	117.500	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,6225	20.000	52.450	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	39	6.000	234.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**822.450**	

Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	39	**822.450**	1	Giò nạc	Kg	2,80	172.000	481.600	Giò nạc (thái nhỏ) xào su su (thái nhỏ)
			2	Quả su su	Kg	1,00	22.000	22.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	3,0725	20.000	61.450	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	39	6.600	257.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**822.450**	
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	39	**822.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	2,70	155.000	418.500	Thịt lợn thái nhỏ xào trứng
			2	Trứng vịt	Kg	25,00	4.700	117.500	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	2,6225	20.000	52.450	Canh rau bắp cải
			4	Sữa izzi 110ml	Hộp	39	6.000	234.000	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**822.450**	
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 tháng 5/2026)	**Số học sinh ăn**	**Số tiền mua thực phẩm nấu trong một bữa**	**STT**	**Tên thực phẩm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng thực phẩm**	**Đơn giá**	**Thànhtiền**	**Món ăn chế biến**
	39	**822.450**	1	Thịt lợn vai, mông, ba chỉ	Kg	3,20	155.000	496.000	Thịt lợn xào quả su su
			2	Quả su su	Kg	1,50	22.000	33.000	
			3	Rau bắp cải trăng	Kg	1,8025	20.000	36.050	Canh rau bắp cải
			4	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	39	6.600	257.400	Phát sữa sau giờ ngủ trưa
				Tổng cộng				**822.450**	

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập